

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO

Năm báo cáo: 2012

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 67 GP/KDBH
- Vốn điều lệ: 710 tỷ đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 710 tỷ đồng
- Địa chỉ: Tầng 21, 22 Tòa nhà MIPEC – 229 Tây Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại: (+84.4) 3 7760 867
- Số fax: (+84.4) 3 7760 868
- Website: www.pjico.com.vn
- Mã cổ phiếu: PGI

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:
 - Ngày thành lập: 15/06/1995
 - Thời điểm niêm yết: 29/07/2011
- Các sự kiện khác:
 - o Ngày 15/6/1995 thành lập và đi vào hoạt động chính thức vốn điều lệ ban đầu 53 tỷ đồng với 5 chi nhánh trực thuộc
 - o Năm 2000, tăng trưởng doanh thu từ 95 tỷ đồng lên 125 tỷ đồng với quy mô 12 chi nhánh trực thuộc. PJICO đón nhận Huân chương lao động hạng Ba
 - o Năm 2003 – 2004, tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng, tăng trưởng doanh thu vượt bậc lên 700 tỷ đồng với quy mô 35 chi nhánh trực thuộc và hàng chục VPĐD trên toàn quốc
 - o Năm 2008, tăng vốn điều lệ lên 336 tỷ đồng tổng doanh thu 1.308 tỷ đồng
 - o Năm 2009, tổng doanh thu 1.605 tỷ đồng với quy mô 50 chi nhánh trực thuộc, 1 trung tâm cứu hộ và sửa chữa xe cơ giới, hơn 3.000 ĐLCN trên toàn quốc
 - o Năm 2010, tổng doanh thu đạt 1.884 tỷ đồng. PJICO kỷ niệm 15 năm thành lập và đón nhận Huân chương lao động hạng Nhì
 - o Năm 2011, tổng doanh thu đạt 2.355 tỷ đồng. PJICO chính thức niêm yết trên HOSE
 - o Năm 2012, tổng doanh thu đạt 2.380 tỷ đồng

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh trực tiếp bảo hiểm phi nhân thọ; Kinh doanh tái bảo hiểm;

Đầu tư tài chính.

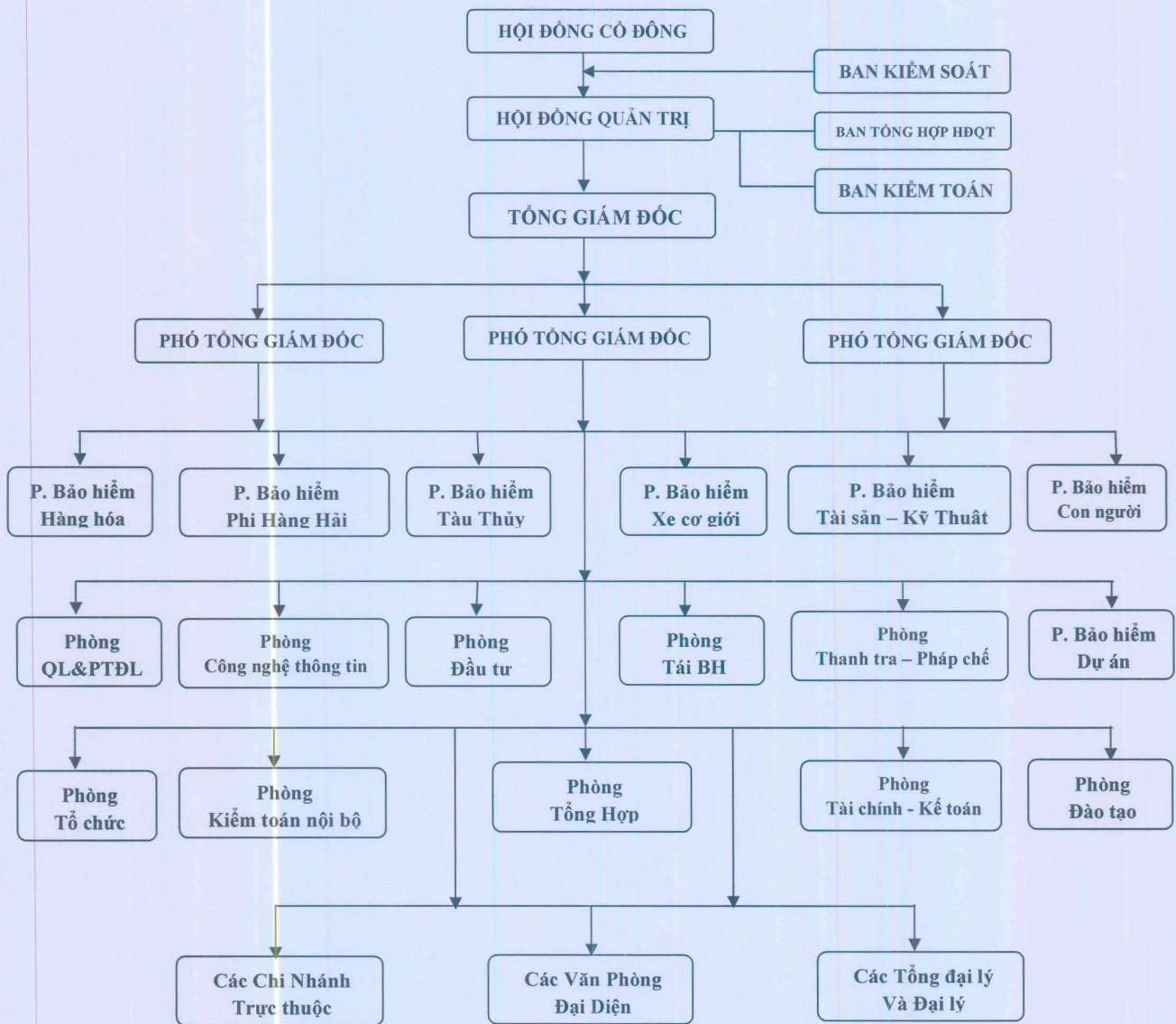
- Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty Cổ phần



- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết:

Các liên kết hiện tại của DN:

- PJICO đang là thành viên của:
 - Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (PETROLIMEX)
 - Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam (AVI)
- PJICO đang liên doanh, liên kết, góp vốn với:
 - Công ty CP đầu tư BĐS Petrolimex (PLAND)
 - Công ty CP xây lắp Petrolimex 1 (PCC1)
 - Liên doanh kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong
 - Tổng công ty Tái bảo hiểm Quốc gia (Vinare)

- Công ty cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO

Công ty con:

- Tên công ty: Công ty TNHH MTV cứu hộ PJICO Hải Phòng
- Địa chỉ: Số 239, quốc lộ 5 mới, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Lĩnh vực SXKD:
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (Dịch vụ cầu kéo, cứu hộ các phương tiện giao thông đường bộ)
 - Đại lý ô tô và xe có động cơ khác
 - Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
 - Đánh giá rủi ro và thiệt hại (Dịch vụ giám định, đại lý giám định bồi thường xe cơ giới)
 - Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm (Đại lý bán bảo hiểm xe cơ giới đường bộ)
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp: 14.318.727.139 đồng
- Tỷ lệ lợi ích: 100%
- Tỷ lệ kiểm soát: 100%

5. Định hướng phát triển

– Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Tăng cường mạnh mẽ công tác đào tạo lại nguồn nhân lực.
 - Triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 trên phạm vi toàn hệ thống.
 - Lựa chọn và triển khai chương trình phần mềm trọn gói quản trị doanh nghiệp của nước ngoài, nâng cao chất lượng quản lý trong mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty
 - Tìm kiếm đối tác chiến lược
 - Mở rộng phạm vi kinh doanh sang các lĩnh vực tài chính và kinh doanh khác
 - Tiếp tục tập trung vào thị trường bán lẻ sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm
 - Đưa ra các sản phẩm bảo hiểm mới phù hợp với những nhu cầu mới phát sinh của thị trường
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- **Sứ mạng**

- Cung cấp các dịch vụ bảo hiểm đồng bộ, đa dạng và có chất lượng cao định hướng vào khách hàng
- Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch, năng động và thân thiện để nhân viên phát huy tài năng và sáng tạo
- Hợp tác hiệu quả với các đối tác để cùng phát triển và đóng góp xây dựng cộng đồng
- Phát triển bền vững để gia tăng giá trị cho các cổ đông thông qua đa dạng hóa hoạt động bảo hiểm và đầu tư tài chính

- **Tầm nhìn đến 2015:**

Trở thành Tổng công ty bảo hiểm hàng đầu Việt Nam về chất lượng và hiệu quả.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng doanh thu năm 2012 của PJICO đạt 2.380 tỷ đồng. Trong đó doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 1.966 tỷ đồng; tỷ lệ bồi thường bảo hiểm gốc 47%. Lợi nhuận trước thuế đạt 130 tỷ đồng.

Năm 2012 là năm nhiều khó khăn thách thức của nền kinh tế. Vì vậy một số nhóm nghiệp vụ trọng yếu không hoàn thành kế hoạch, dẫn đến Công ty không hoàn thành kế hoạch doanh thu chung. Đây cũng là tình hình chung của thị trường bảo hiểm năm 2012.

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Sinh ngày	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Nguyễn Anh Dũng	Tổng Giám đốc	11/12/1971	13.353	0,02	Thôi giữ chức vụ TGD từ 1/3/2013
Đào Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc	11/08/1974	41.852	0,06	Đảm nhiệm chức vụ TGD từ 1/3/2013
Bùi Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc	02/02/1955	32.891	0,05	
Nguyễn An Hoà	Phó Tổng Giám đốc	01/05/1960	18.571	0,03	
Đình Kiều Trang	TP. Tài chính - Kế toán	18/09/1971	0	0	

– Số lượng cán bộ, nhân viên: 1.690 người

- Chính sách tìm kiếm, tuyển dụng và sử dụng tài năng:

Công ty luôn trân trọng, tìm kiếm và tuyển dụng sử dụng tài năng, đặc biệt là tài năng trẻ, tạo điều kiện để họ phát huy hết khả năng của mình

- Chính sách cơ cấu nhân lực kế cận:

Mỗi vị trí chủ chốt, vị trí quan trọng, công ty đều có chính sách đối với các vị trí này để cán bộ yên tâm công tác, cống hiến toàn tâm toàn lực cho công ty và bản thân họ. Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng lớp cán bộ kế cận của các giai đoạn tiếp theo.

- Các kết quả thực tế:

Nhiều cán bộ trẻ được cân nhắc, bổ nhiệm giữ các vị trí chủ chốt, quan trọng của công ty.

- Trách nhiệm đối với người lao động:

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Doanh nghiệp đối với Người lao động, Công ty đã tuân thủ đóng BHXH, BHYT.... theo quy định của Nhà Nước và Hợp đồng lao động.
- Công ty luôn chú trọng, quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi cho Người lao động như: Đảm bảo môi trường làm việc lành mạnh, an toàn vệ sinh lao động nhằm đảm bảo quyền lợi của Người lao động, tạo ra năng suất lao động ngày càng cao.
- Quan tâm hỗ trợ, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần Người lao động, hàng năm Công ty phối hợp với các tổ chức hội như: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội CCB ... trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi tổ chức các chuyến tham quan, nghỉ mát cho CBCNV và gia đình. Ngoài ra, Công ty cũng tổ chức khen thưởng bằng tiền cho các cháu là con CBCNV công ty đạt thành tích trong học tập và rèn luyện, tổ chức các buổi liên hoan, giao lưu thể thao ... tạo không khí đoàn kết, thân tình giữa các CBCNV và gia đình trong Đại gia đình PJICO

- Các tổ chức đoàn thể trong doanh nghiệp:

- Đảng: Có ; Chưa có ; Đang thành lập
- Công đoàn: Có ; Chưa có ; Đang thành lập
- Đoàn thanh niên: Có ; Chưa có ; Đang thành lập

- Các tổ chức khác: Hội CBB PJICO, Ban Nữ Công, CLB Tennis PJICO, CLB bóng đá PJICO
 - Các hoạt động văn hoá, thể thao dành cho người lao động trong doanh nghiệp
- Hàng năm tại VPCTy cũng như các đơn vị trực thuộc đều tổ chức giao lưu văn hóa thể thao nội bộ. Nhân dịp kỷ niệm 17 năm thành lập, Công ty tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, thể thao trên phạm vi toàn công ty.

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.993.147.609.774	2.074.543.565.193	104,08
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.489.266.136.111	1.665.408.091.144	111,83
Doanh thu hoạt động tài chính	176.625.027.665	154.706.960.243	87,59
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	589.482.961.430	623.360.123.337	105,75
Lợi nhuận hoạt động tài chính	121.437.510.933	124.019.678.290	102,12
Lợi nhuận khác	693.263.835	691.112.336	99,69
Lợi nhuận trước thuế	135.025.021.999	130.178.252.299	96,41
Lợi nhuận sau thuế	103.541.276.597	99.209.067.104	95,82
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.491	1.428	95,77

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
- Khả năng thanh toán hiện hành	1,73	1,69	
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	8,79	9,01	
- Khả năng thanh toán nhanh	7,03	7,44	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn</i>			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	57,65	59,08	
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	42,35	40,92	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,84	0,88	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	5,98	5,37	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	5,19	4,78	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	12,27	11,69	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần đã phát hành thời điểm 31/12/2012	: 70.974.218 cổ phần
Số cổ phần phổ thông đang lưu hành thời điểm 31/12/2012	: 69.464.458 cổ phần
Số cổ phiếu quỹ tại thời điểm 31/12/2012	: 1.509.760 cổ phần
Số cổ phần được tự do chuyển nhượng	: 69.464.458 cổ phần
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	69.344.568	99,83%
2	Cổ đông nước ngoài	119.890	0,17%
Tổng cộng		69.464.458	100%
1	Cổ đông pháp nhân	59.561.012	85,74%
2	Cổ đông cá nhân	9.903.446	14,26%
Tổng cộng		69.464.458	100%
1	Cổ đông lớn	53.962.768	77,68%
2	Cổ đông nhỏ	15.501.690	22,32%
Tổng cộng		69.464.458	100%

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng quan về tình hình kinh tế xã hội và thị trường bảo hiểm

Năm 2012, nền kinh tế xã hội Việt Nam gặp nhiều khó khăn thử thách ảnh hưởng không nhỏ tới từng ngành kinh tế, trong đó có ngành bảo hiểm Việt nam. GDP cả năm tăng trưởng 5,03%, sụt giảm so với mức tăng trưởng 5,9% của năm 2011 và không đạt mục tiêu kế hoạch đặt ra (6% - 6,5%). Tăng trưởng tín dụng thấp, đầu tư công bị cắt giảm và tiếp tục hạn chế chi tiêu công, chi tiêu của cá nhân, hộ gia đình giảm, hoạt động sản xuất, kinh doanh giảm sút, hàng tồn kho tăng... là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển của thị trường bảo hiểm.

Doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ toàn thị trường năm 2012 ước đạt 22.316 tỷ đồng, tăng trưởng xấp xỉ 10% so với năm 2011 (theo số liệu báo cáo của Hiệp hội bảo hiểm Việt nam). Đây là mức tăng trưởng tương đối thấp của thị trường nếu so sánh với tốc độ tăng trưởng những năm gần đây (năm 2010 tăng trưởng 26%, năm 2011 tăng trưởng 21%).

Đánh giá về hoạt động của PJICO

Tổng doanh thu năm 2012 đạt 2.380 tỷ đồng, đạt 94% kế hoạch. Trong đó doanh thu bảo hiểm gốc đạt 1.966 tỷ đồng tăng trưởng 4,69% so với năm 2011, đạt 92% kế hoạch; Doanh thu hoạt động tái bảo hiểm đạt 219 tỷ đồng; Doanh thu hoạt động đầu tư đạt 154,7 tỷ đồng; Doanh thu Công ty TNHH MTV cứu hộ PJICO Hải Phòng đạt 25,1 tỷ đồng.

Lợi nhuận trước thuế đạt 130 tỷ đồng giảm 4% so với 2011, đạt 92,9% kế hoạch.

Kinh doanh bảo hiểm gốc:

Doanh thu bảo hiểm gốc đạt 1.966 tỷ đồng tăng trưởng 4,69% so với 2011, đạt 92% kế hoạch. Tỷ lệ bồi thường bảo hiểm gốc 47%. Cơ cấu doanh thu các nhóm nghiệp vụ bảo hiểm gốc năm 2012 nhìn chung không có sự thay đổi so với năm 2011. Bảo hiểm xe cơ giới vẫn là nghiệp vụ chủ yếu với tỷ trọng lớn nhất (51%), bảo hiểm tài sản - kỹ thuật (17%), bảo hiểm tàu thủy (11%), bảo hiểm hàng hóa (12%) và cuối cùng là bảo hiểm con người (9%).

- **Bảo hiểm xe cơ giới**

Toàn thị trường đạt doanh thu nghiệp vụ xe cơ giới đạt 6.300 tỷ đồng tăng trưởng 1% so với năm 2011. Tỷ lệ bồi thường khoảng 53%, tăng 4% so với 2011.

Trong năm tài chính 2012, doanh thu bảo hiểm xe cơ giới toàn Công ty 2012 đạt 996,11 tỷ đồng, tăng trưởng 5,76% so với năm 2011 đạt 93,53% kế hoạch. Tỷ lệ bồi thường chung nghiệp vụ xe cơ giới là 52%.

Đối với bảo hiểm ô tô, doanh thu phí bảo hiểm ô tô đạt 755,05 tỷ đồng tăng trưởng 1,5%. Tỷ lệ bồi thường 66%.

Đối với bảo hiểm mô tô, xe máy, doanh thu đạt 241,06 tỷ đồng, tăng trưởng 20,7% so với năm 2011. Tỷ lệ bồi thường 8%, giảm 4% so với năm 2011.

Năm 2012 PJICO vẫn đang giữ vững vị trí thứ 2 về bảo hiểm xe cơ giới (trong đó bảo hiểm xe máy giữ vị trí số 1 thị trường), với tỷ lệ bồi thường đang kiểm soát ở mức dưới tỷ lệ bồi thường trung bình của cả thị trường – công tác quản lý rủi ro, giám định – bồi thường đã ngày một nâng cao chất lượng.

- **Bảo hiểm con người**

Năm tài chính 2012, doanh thu nghiệp vụ này của PJICO đạt 185,3 tỷ đồng, tăng trưởng 15,67% so với 2011 đạt 102,95% kế hoạch. Thị phần của PJICO khoảng 5%, đứng vị trí thứ 6 trên thị trường bảo hiểm Việt Nam.

Trong năm 2012, doanh thu nghiệp vụ bảo hiểm con người có mức tăng trưởng thấp hơn mức tăng trưởng chung của thị trường và chưa đạt mục tiêu Công ty đề ra. Các sản phẩm bảo hiểm con người khác, bảo hiểm chăm sóc sức khỏe tuy có tăng trưởng nhưng còn khiêm tốn so với tiềm năng thị trường. Năm 2012, Công ty vẫn chưa phát triển được các kênh bán hàng mới đủ mạnh khiến có thể tạo được sự tăng trưởng đột biến và bền vững ở nhóm các sản phẩm mới này.

Ở góc độ toàn thị trường, nghiệp vụ bảo hiểm con người ước đạt doanh thu khoảng 3.778 tỷ đồng, tăng trưởng 14% so với 2011. Tỷ lệ bồi thường nghiệp vụ này toàn thị trường khoảng 45%.

- **Bảo hiểm tài sản, kỹ thuật, bảo hiểm trách nhiệm**

Doanh thu bảo hiểm tài sản, bảo hiểm kỹ thuật (không bao gồm bảo hiểm dầu khí), bảo hiểm trách nhiệm của toàn thị trường ước đạt 5.370 tỷ đồng, tăng trưởng 13% so với 2011. Trong đó bảo hiểm cháy – tài sản đạt 2.453 tỷ đồng, tăng trưởng 21%, tỷ lệ bồi thường 37%; bảo hiểm xây dựng lắp đặt đạt 1.436 tỷ đồng, giảm khoảng 8% so với 2011, tỷ lệ bồi thường 22%; bảo hiểm máy móc, thiết bị điện tử đạt 221 tỷ đồng, giảm gần 40% so với 2011, tỷ lệ bồi thường 36%; bảo hiểm trách nhiệm đạt 502 tỷ đồng, tăng trưởng 9%, tỷ lệ bồi thường 21%...

Năm 2012, doanh thu nhóm nghiệp vụ này PJICO đạt 327,1 tỷ đồng, tăng trưởng 4,54% so với năm 2011 đạt 84,95% kế hoạch. Trong đó bảo hiểm tài sản doanh thu đạt 187,1 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường 20%; bảo hiểm kỹ thuật đạt 98 tỷ đồng, bảo hiểm trách nhiệm đạt 42 tỷ đồng.

Ngoài những lý do khách quan do các yếu tố bất lợi của thị trường, nghiệp vụ tài sản – kỹ thuật có mức tăng trưởng thấp còn do năm 2012 Công ty chủ động rà soát chặt chẽ việc nhân bảo hiểm các tài sản có rủi ro cao, từ chối nhận bảo hiểm rủi ro xấu (như bảo hiểm tài sản các khu nghỉ mát ven biển miền Trung, nhà máy gỗ, nhà máy may, nhà máy giấy, đường miền núi, công trình thủy lợi nhỏ, các máy móc thiết bị trên mô...).

- **Bảo hiểm hàng hóa**

Năm 2012 doanh thu đạt 238,99 tỷ đồng, tăng trưởng 1,14% so với năm 2011 đạt 91,92% kế hoạch. Tỷ lệ bồi thường 29%. Trong đó doanh thu từ cổ đông Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (PETROLIMEX) chiếm 111 tỷ tương đương so với 2011, doanh thu ngoài cổ đông Tập đoàn Xăng dầu đạt 128 tỷ đồng, tăng trưởng 9%.

Năm 2012, nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa được đánh giá là đạt yêu cầu. Công tác kiểm soát, quản lý rủi ro bảo hiểm được thực hiện tốt. Đây cũng là một nghiệp vụ đang kinh doanh có hiệu quả tốt của PJICO trong nhiều năm liền.

Năm 2012, doanh thu bảo hiểm hàng hóa toàn thị trường đạt khoảng 1.935 tỷ đồng, tăng trưởng 6% so với năm 2011. Tỷ lệ bồi thường toàn thị trường vào khoảng 26%.

- **Bảo hiểm tàu thủy, P&I**

Doanh thu phí bảo hiểm nhóm nghiệp vụ này của PJICO trong năm 2012 đạt 218,79 tỷ đồng, giảm 3,57% so với 2011 đạt 89,3% kế hoạch.

Ở góc độ toàn thị trường, nghiệp vụ bảo hiểm tàu thủy đạt doanh thu đạt 1.813 tỷ đồng, giảm khoảng 6% so với 2011. Tỷ lệ bồi thường 49%.

Năm 2012, ngành vận tải biển gặp rất nhiều khó khăn sau sự cố của tập đoàn Vinashin và Tổng Công ty Vinalines, bên cạnh đó do không tiếp cận được các nguồn vốn do lãi suất cho vay cao; giá cước vận tải giảm sâu; giá nhiên liệu tăng; hàng hóa khan hiếm...các đội tàu vận tải biển lớn đã phải điều chỉnh định hướng kinh doanh và kế hoạch kinh doanh như: cơ cấu lại đội tàu, hạn chế việc đầu tư mua mới và đóng mới, vì vậy số lượng tàu tham gia bảo hiểm giảm mạnh (đặc biệt đối với các tàu hoạt động tuyến Quốc tế).

Tình hình khai thác P&I (tham gia với các Hội quốc tế) tiếp tục gặp một số khó khăn do tình hình tổn thất tại thị trường quốc tế nói chung và tại Việt nam nói riêng ngày càng nhiều, các tàu của thị trường Việt nam ngày càng già, số lượng tàu mới không nhiều đủ để bù đắp. Chính vì vậy mà các Hội đã quyết định tăng phí cho kỳ tái tục P&I cho tất cả các đội tàu đang tham gia tại các công ty bảo hiểm của Việt nam (mức tăng chung của toàn thị trường năm nghiệp vụ 2012/2013 là 5%) và tăng mức khấu trừ năm 2012/2013.

- **Công tác tái bảo hiểm**

Trong bối cảnh thị trường tái bảo hiểm quốc tế có nhiều biến động do rủi ro thiên tai ở Úc, New Zeland, Nhật, Thái khiến các công ty tái bảo hiểm quốc tế thay đổi quan điểm và thắt chặt khai thác nhưng năm 2012 Công ty đã tái tục thành công các hợp đồng tái bảo hiểm cố định trong nước và nước ngoài cho 04 nhóm nghiệp vụ chính là hàng hải, hỏa hoạn, kỹ thuật và hỗn hợp, xe cơ giới. Nhìn chung chương trình tái bảo hiểm đã tạo điều kiện cho các đơn vị khai thác, giúp Công ty thực hiện phân tán rủi ro đảm bảo an toàn tài chính cho công ty trong năm 2012 và đóng góp vào lợi nhuận nhờ hoa hồng tái bảo hiểm và thu đòi bồi thường kịp thời.

Thông qua các chương trình tái bảo hiểm, PJICO đã xây dựng, củng cố và phát triển quan hệ bền vững với nhiều tập đoàn, công ty tái bảo hiểm hùng mạnh về tài chính trên thế giới như CCR – Pháp, MunichRe – Đức và các công ty tái bảo hiểm khác có hệ số tín nhiệm tài chính rất tốt như KoreanRe, ACR, BEST Re, Malaysian Re ...

Mặc dù trong năm 2012 là năm khó khăn của thị trường, Công ty vẫn hoàn thành kế hoạch với doanh số nhận tái bảo hiểm đạt 110 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2011. Bồi thường nhận tái bảo hiểm 61 tỷ đồng, chiếm 55,2% doanh thu.

Đối với hoạt động nhượng tái bảo hiểm, hoa hồng nhượng tái đạt 118 tỷ đồng, thu đòi bồi thường đạt 215 tỷ đồng đã giúp Công ty cân đối đủ nguồn tiền cho đầu tư và kinh doanh.

- **Công tác đầu tư tài chính**

Doanh thu đầu tư năm 2012 đạt 154,7 tỷ đồng đạt tỷ suất lợi nhuận đầu tư ROI là 13,9%.

Danh mục đầu tư của PJICO khá đa dạng trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là tiền gửi ngân hàng. Công ty đánh giá danh mục đầu tư là an toàn và có tỷ suất sinh lời ROI tương đối tốt.

Hệ thống cơ sở vật chất của công ty tiếp tục được đầu tư và hoàn thiện. Hiện PJICO là một trong những công ty bảo hiểm có hệ thống cơ sở vật chất tốt nhất trong ngành bảo hiểm. Tòa nhà PJICO TOWER tại 186 Điện Biên Phủ - Phường 6 - Quận 3 tại Thành phố Hồ Chí Minh gồm 2 tầng hầm và 9 tầng nổi được xây dựng trên diện tích 700 m² dự kiến sẽ đi vào hoạt động từ quý III năm 2013. Việc đưa tòa nhà vào khai thác, sử dụng sẽ ổn định trụ sở làm việc của PJICO Sài Gòn và tạo nguồn thu từ cho thuê văn phòng, đồng thời tăng cường uy tín, hình ảnh của PJICO tại khu vực phía nam.

Năm 2012 là năm thứ hai cổ phiếu PJICO được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), Với số lượng cổ phiếu niêm yết là 70.974.218 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 69.464.458 cổ phiếu. Công ty tuân thủ và đáp ứng các yêu cầu công bố thông tin theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và HOSE đối với một Công ty niêm yết.

- **Kết quả hoạt động của Công ty TNHH MTV cứu hộ PJICO Hải Phòng**

Tổng doanh thu đạt 25 tỷ đồng. Lợi nhuận 600 triệu đồng. Trong đó:

- Doanh thu sửa chữa xe và các hoạt động dịch vụ khác đạt 6,3 tỷ đồng.
- Doanh thu đại lý bán xe ô tô đạt 17,5 tỷ đồng.
- Doanh thu cứu hộ và doanh thu khác đạt 1,3 tỷ đồng.

Năm 2012 Công ty vẫn đảm nhận tốt chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác giám định bồi thường xe cơ giới cho các đơn vị trong hệ thống. Năm 2012 đã cứu hộ được nhiều xe cho các Chi nhánh trong hệ thống, nhất là các CN từ miền Trung trở vào có xe bị tai nạn ở phía Bắc.

2. *Tình hình tài chính*

Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty đã quản lý tài sản, nguồn vốn theo đúng quy định chế độ tài chính hiện hành

3. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

Tăng cường mạnh mẽ công tác đào tạo lại nguồn nhân lực.

Triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 trên phạm vi toàn hệ thống.

IV. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

Hội đồng quản trị đã thực hiện nghiêm túc Quy chế hoạt động và chế độ họp của Hội đồng quản trị. Trong các phiên họp Hội đồng quản trị của năm 2012 đã có những Nghị quyết đề triển khai thực hiện đầy đủ các chủ trương của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Ngoài ra Hội đồng quản trị còn có các Nghị quyết thiết thực khác nhằm tăng cường công tác quản trị Công ty; Thay đổi mô hình hoạt động của một số đơn vị trực thuộc theo luật định; và một số nội dung khác. Cụ thể Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và giám sát thực hiện thành công các nội dung sau:

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và giám sát các hoạt động điều hành Công ty thực hiện tương đối tốt các chỉ tiêu kinh doanh năm 2012 mà Đại hội đồng cổ đông đề ra trong bối cảnh một năm có nhiều khó khăn:

- Tổng doanh thu thực hiện : 2.380 tỷ đồng – Đạt 94% KH.
- Lợi nhuận trước thuế đạt : 130 tỷ đồng – Đạt 92,9% KH.
- Mức chi trả cổ tức : 12%/năm – Đạt 92,3% KH

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban kiểm toán nội bộ hoàn thành kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2012 đảm bảo tính độc lập khách quan và phối hợp tích cực với Ban kiểm soát, giúp Hội đồng quản trị có những chỉ đạo kịp thời trong công tác quản trị Công ty cũng như cảnh báo những nguy cơ rủi ro có

thể xảy ra. Đề nghị với ban điều hành và giám đốc các đơn vị có biện pháp chấn chỉnh đối với các mặt công tác quản lý đặc biệt là công tác quản lý bồi thường.

- Hội đồng quản trị đã Quyết nghị và chỉ đạo thực hiện thành công việc chuyển đổi Trung tâm cứu hộ Hải Phòng thành Công ty TNHH MTV đảm bảo đúng theo các quy định của Luật doanh nghiệp và đây sẽ là mô hình phù hợp đối với các hoạt động kinh doanh dịch hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

- Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết và chỉ đạo sát sao trong việc triển khai các dự án đầu tư, nhất là đầu tư đối với dự án CNTT phần mềm quản lý nghiệp vụ bảo hiểm đảm bảo đầu tư an toàn, hiệu quả.

- Hội đồng quản trị tập trung đã chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình tái cấu trúc và nâng cấp Công ty thành Tổng công ty, đến thời điểm này cũng đã hoàn thiện các thủ tục về hồ sơ và gửi Bộ Tài chính phê chuẩn.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Hội đồng quản trị ban hành các Nghị quyết chỉ đạo Ban Tổng giám đốc điều hành nhằm tăng cường công tác quản lý của Công ty nhất là công tác quản lý tài chính, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, các khoản công nợ không để xảy ra sự cố về tài chính.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Năm 2013 có ý nghĩa hết sức quan trọng trong kế hoạch 5 năm (2009 – 2013): Là năm cuối của nhiệm kỳ, là năm bàn lễ cho nhiệm kỳ mới và cũng là năm đánh dấu mốc quan trọng trong lịch sử phát triển Công ty. Với những ý nghĩa quan trọng này, năm 2013 Hội đồng quản trị đề ra mục tiêu định hướng như sau:

- *Kiên định với mô hình phát triển gắn liền với chất lượng và hiệu quả tăng trưởng.*
- *Nâng cao năng suất lao động bình quân, phấn đấu đạt mức 1,2 tỷ đồng doanh thu bảo hiểm/1 lao động trong toàn hệ thống, phấn đấu doanh thu bảo hiểm gốc vượt mốc 2000 tỷ đồng.*
- *Tăng cường và nâng cao công tác quản trị Công ty, thực hiện sắp xếp sàng lọc bộ máy quản lý theo hướng: Tinh gọn, năng động và hiệu quả. Phân cấp rõ ràng, tạo sự chủ động cho các đơn vị.*

Quản trị công ty

1. *Hội đồng quản trị*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch HĐQT	1955	012391021	0.01%
2	Nguyễn Anh Dũng	Thành viên điều hành	1971	011421977	0.02%
3	Nguyễn Danh Lương	Thành viên không điều hành	1957	011399725	0.04%
4	Vũ Bá Ôn	Thành viên không điều hành	1958	011773531	0.01%
5	Đào Nam Hải	Thành viên điều hành	1974	012435142	0.06%
6	Trần Quốc Hùng	Thành viên không điều hành	1957	011129835	0.06%
7	Trần Minh Tuấn	Thành viên không điều hành	1957	010538212	0

8	Đinh Thái Hương	Thành viên không điều hành	1960	010410998	0.01%
9	Nguyễn Quốc Bình	Thành viên không điều hành	1959	011572071	0.01%

b) Các Ban thuộc Hội đồng quản trị.

o Ban Tổng Hợp – HĐQT

1. Ông Bùi Hoài Giang – Trưởng ban
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích – Chuyên viên

o Ban Kiểm Toán

1. Bà Ngô Thị Thuận – Trưởng ban
2. Bà Đặng Thị Thu Ngọc – Chuyên viên
3. Ông Nguyễn Hồng Thương – Chuyên viên

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2012 Hội đồng quản trị họp 04 phiên với các nội dung chỉ đạo sát sao vào hoạt động kinh doanh của công ty. Chi tiết nội dung cuộc 04 phiên họp được đưa vào nội các Nghị quyết HĐQT như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/2012/NQ-HĐQT	15/03/2012	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2012 vào ngày 25/04/2012. Tỷ lệ chi trả cổ tức là 13%. - Thực hiện chủ trương của Chính phủ về tiết giảm chi phí và theo chỉ đạo của Cục quản lý giám sát bảo hiểm, Bộ Tài chính. Tổng giám đốc xây dựng phương án cụ thể về tiết giảm chi phí trình Hội đồng quản trị và đồng thời quán triệt tới các đơn vị trực thuộc nhận thức đầy đủ về chủ trương này để thực hiện nghiêm túc. - Phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2012 do Ban Kiểm toán nội bộ trình. Căn cứ kế hoạch được thông qua, khi triển khai thực hiện cần có sự phối kết hợp với các bộ phận chức năng của Công ty nhưng vẫn đảm bảo tính độc lập của Kiểm soát nội bộ. - Thực hiện việc chuyển đổi Trung tâm cứu hộ tại Hải phòng thành Công ty TNHH Một thành viên theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.
02	02/2012/NQ-HĐQT	28/06/2012	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ quyết toán 6 tháng đầu năm 2012, Tổng giám đốc thực hiện phân tích, đánh giá hoạt động của công ty để đề ra các giải pháp phù hợp để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2012. - HĐQT yêu cầu TGD chỉ đạo thực hiện báo cáo chế độ công bố thông tin phải theo đúng quy định. Giải quyết dứt điểm không để tình trạng công nợ kéo dài. - Kế hoạch kinh doanh phải lập các phụ lục chi tiết để chứng minh làm rõ các chỉ tiêu kế hoạch để Hội đồng quản trị xem xét và chính thức phê duyệt. - Không thành lập các phòng bảo hiểm và phòng nghiệp vụ cho tới khi đề án Tái cấu trúc của Công ty được phê duyệt. - Xây dựng quy chế chi trả lương mới trong quý 3/2012.

			<p>Xây dựng hệ thống các định mức chi phí để phục vụ cho công tác điều hành và công tác quản trị.</p> <p>Tiếp tục triển khai các nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 đã thông qua.</p>
03	03/2012/NQ-HĐQT	05/10/2012	<p>Phân tích, đánh giá kết quả kinh doanh bảo hiểm 09 tháng đầu năm 2012, đề nghị Ban Tổng giám đốc điều hành phải phân tích chỉ ra các yếu tố tác động để cố gắng thực hiện được chỉ tiêu kế hoạch năm 2012.</p> <p>Chỉ đạo khẩn trương việc sửa đổi hoàn thiện các quy chế quản trị của công ty cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>Những vấn đề tồn tại và các lỗi vi phạm trong các mặt quản lý tại các Chi nhánh, đơn vị trực thuộc phải rà soát, xử lý và giải quyết dứt điểm, báo cáo về HĐQT trong tháng 11/2012.</p> <p>Báo cáo tiến độ việc thực hiện gói thầu số 1 của Dự án công nghệ thông tin.</p> <p>Đồng ý chủ trương nâng 04 văn phòng là: Sơn La, Hà Giang, Quảng Trị và Bình Phước lên thành Chi nhánh.</p>
04	04/2012/NQ-HĐQT	26/12/2012	<p>Trên cơ sở kết quả báo cáo sơ bộ của Tổng giám đốc, Ghi nhận kết quả kinh doanh năm 2012 có sự cố gắng lớn của toàn hệ thống. Yêu cầu Tổng Giám đốc tiếp tục cập nhật và hoàn thiện số liệu chính thức của năm 2012.</p> <p>Định hướng xây dựng kế hoạch cho năm : Chỉ tiêu mức tăng trưởng doanh thu bảo hiểm là 6.5%, lợi nhuận trước thuế là 135 tỷ đồng, tỷ lệ chi trả cổ tức 10%</p> <p>Tiến hành tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 vào tháng 03/2013. Dự thảo Điều lệ và quy chế phù hợp với quy định mới của pháp luật để trình ĐHĐCĐ theo Thông tư số 121/2012/TT- BTC của Bộ Tài chính.</p> <p>Tiếp tục thực hiện nội dung các Nghị quyết chưa hoàn thành trong thời gian sớm nhất có thể.</p>

d) Hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

1. Ông Nguyễn Danh Lương - Ủy viên Hội đồng quản trị
 - Phụ trách công tác đầu tư; công tác huy động và kiểm soát các nguồn lực tài chính ;
 - Tổ chức thiết lập và phát triển quan hệ hợp tác kinh doanh với cổ đông Vietcombank.
2. Ông Vũ Bá Ôn - Ủy viên Hội đồng quản trị :
 - Phụ trách công tác thẩm định kế hoạch và kiểm soát nội bộ;
 - Tổ chức thiết lập và phát triển quan hệ hợp tác kinh doanh với cổ đông Tổng công ty thép Việt nam .
3. Ông Đinh Thái Hương - Ủy viên Hội đồng quản trị :
 - Phụ trách công tác lao động- tiền lương ; công tác đào tạo nguồn nhân lực
 - Tổ chức thiết lập và phát triển quan hệ hợp tác kinh doanh với các cổ đông thuộc hệ thống Petrolimex.
4. Ông Trần Minh Tuấn - Ủy viên Hội đồng quản trị :
 - Phụ trách công tác kinh doanh bảo hiểm của công ty;

- Tổ chức thiết lập và phát triển quan hệ hợp tác kinh doanh với cổ đông Vinare.
5. Ông Trần Quốc Hùng - Ủy viên Hội đồng quản trị :
- Phụ trách công tác tài chính – kế toán của công ty;
 - Tổ chức thiết lập và phát triển quan hệ hợp tác kinh doanh với cổ đông Matexim
6. Ông Nguyễn Quốc Bình - Ủy viên Hội đồng quản trị :
- Phụ trách công tác phát triển khách hàng;
 - Tổ chức thiết lập và phát triển quan hệ hợp tác kinh doanh với cổ đông Hanel
- e) Hoạt động các Tiểu ban thuộc HĐQT:
- Ban Tổng hợp – HĐQT
 - Chuẩn bị tài liệu, báo cáo các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 và 04 phiên họp HĐQT trong năm 2012
 - Thực hiện tư vấn về thủ tục các cuộc họp, giúp việc cho HĐQT trong công tác quản trị công ty.
 - Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thường niên
 - Đảm bảo các Nghị quyết của HĐQT phù hợp với pháp luật.
 - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát.
 - Ban Kiểm toán

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm toán nội bộ của Hội đồng quản trị, thực hiện kế hoạch kiểm toán năm 2012 được Hội đồng quản trị phê duyệt tại Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐQT phiên họp lần thứ 48 ngày 15/03/2012. Ban Kiểm toán nội bộ đã triển khai công tác tại 20/51 đơn vị trong năm 2012. Ban đã lập báo cáo nội bộ hàng quý báo cáo Hội đồng quản trị về nội dung kiểm toán như: doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh. Việc kiểm toán tuân thủ pháp luật, chính sách, chế độ tài chính – kế toán của Nhà nước; các quy định, quy chế quản trị Công ty, tính kinh tế, hiệu quả trong việc quản lý và sử dụng các nguồn lực tại đơn vị.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát của Công ty cổ phần bảo hiểm PJICO gồm 6 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Lê Thanh Đạt	Trưởng ban	1.452	0,0020%
2	Vũ Duy Huỳnh	Thành viên	0	%
3	Phạm Phú Tiến	Thành viên	2.500	0,0035%
4	Lưu Thị Việt Hoa	Thành viên	17.632	0,0248%
5	Nguyễn Bích Thủy	Thành viên	1.020	0,0014%
6	Lương Thị Ngọc Anh	Thành viên	0	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm vừa qua, Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trên cơ sở các qui định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nội dung cụ thể các công việc bao gồm:

- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, phân công trách nhiệm cho các thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được qui định.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh; giám sát việc thực hiện nghị quyết

của Đại hội đồng cổ đông; giám sát việc tuân thủ Điều lệ, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- Thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn, phát triển vốn, và những rủi ro trọng yếu của doanh nghiệp.

- Công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát Công ty được tiến hành thường xuyên, liên tục nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động kinh doanh của các Chi nhánh nói riêng và toàn công ty nói chung. Năm 2012, Ban kiểm soát đã phối hợp với các phòng ban chức năng của Công ty tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện các quy chế của HĐQT và các quy định quản lý của Công ty tại 13/49 chi nhánh, kết thúc kiểm tra đã có biên bản đánh giá về kết quả hoạt động kinh doanh cũng như hiệu quả sử dụng vốn của các đơn vị. Ban kiểm soát đã báo cáo kết quả kiểm tra và khuyến nghị với HĐQT, TGD điều hành về các vấn đề trọng yếu trong công tác tổ chức cán bộ và sử dụng lao động; công tác tổ chức và quản lý thị trường; công tác đầu tư và quản lý tài sản; công tác giao định mức và quản lý thực hiện định mức chi phí; công tác trích lập và hoàn nhập các quỹ dự phòng nghiệp vụ, nhất là dự phòng bồi thường. Qua báo cáo, BKS cũng kiến nghị các giải pháp nhằm giúp công ty khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành và kiểm soát.

- Tham dự các phiên họp thường kỳ của HĐQT để tham gia góp ý kiến về định hướng điều hành kinh doanh, hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ; các Nghị quyết và việc triển khai thực hiện Nghị quyết, quyết định của HĐQT, cũng như các vấn đề liên quan đến quản lý và điều hành của Công ty.

Năm 2012 Ban kiểm soát duy trì họp thường kỳ 4 lần, ngoài ra Ban còn tổ chức lấy ý kiến qua thư điện tử đối với một số nội dung liên quan đến công tác triển khai, báo cáo kết quả kiểm tra...Hoạt động của BKS đã góp phần cùng bộ máy quản trị, điều hành thực hiện các mục tiêu kế hoạch kinh doanh của Công ty. Tuy vậy, chúng tôi nhận thấy rằng hoạt động của Ban kiểm soát do nhiều yếu tố như cơ chế hoạt động, điều kiện môi trường cập nhật thu thập thông tin...nên kết quả chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của các cổ đông.

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả
1	15/03/2012	Chuẩn bị cho cuộc họp ĐH ĐCĐ và kế hoạch 2012	Phân công các thành viên chuẩn bị báo cáo ĐHĐCĐ, thống nhất danh sách kiểm toán đề nghị ĐHĐCĐ
2	27/06/2012	Đánh giá những tồn tại trong kinh doanh của công ty trong, Tiếp tục triển khai kế hoạch kiểm tra các Chi nhánh	Thống nhất các nội dung kiến nghị HĐQT.
3	04/10/2012	Tổng hợp kết quả kiểm tra 9 tháng, đánh giá những rủi ro trọng yếu trong kinh doanh của Công, thực hiện những kiến nghị của Ban kiểm soát.	Thống nhất các nội dung kiến nghị HĐQT và triển khai tiếp kế hoạch của Ban
4	25/12/2012	Đánh giá những tồn tại trong kinh doanh, những nguy cơ ảnh hưởng đến việc bảo toàn vốn của công ty,	Thống nhất các nội dung kiến nghị HĐQT và triển khai thẩm định báo cáo tài chính, thực hiện báo cáo cho

	công tác tổ chức cán bộ, kế hoạch thẩm định báo cáo tài chính 2012	các cổ đông, Đại hội đồng cổ đông
--	---	-----------------------------------

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương thù lao và các lợi ích khác (Triệu đồng)
Hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch chuyên trách	919,2
2	Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	864,2
3	Đào Nam Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	717,7
4	Nguyễn Danh Lương	Thành viên HĐQT	123,5
5	Trần Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	123,5
6	Vũ Bá Ổn	Thành viên HĐQT	123,5
7	Trần Quốc Hùng	Thành viên HĐQT	123,5
8	Đinh Thái Hương	Thành viên HĐQT	123,5
9	Nguyễn Quốc Bình	Thành viên HĐQT	123,5
Ban Tổng giám đốc			
10	Nguyễn Anh Dũng	Như trên	Như trên
11	Đào Nam Hải	Như trên	Như trên
12	Nguyễn An Hòa	Phó Tổng Giám đốc	641,7
13	Bùi Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc	653,2
Ban Kiểm soát			
14	Lê Thanh Đạt	Trưởng Ban kiểm soát	576,9
15	Phạm Phú Tiến	Thành viên	400,9
16	Lương Thị Ngọc Anh	Thành viên	391,4
17	Lưu Thị Việt Hoa	Thành viên	81,2
18	Nguyễn Bích Thủy	Thành viên	81,2
19	Vũ Duy Huynh	Thành viên	81,2

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh

và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (File đính kèm)

(Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp).

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty 



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đào Nam Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PJICO

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 07-03-2013

0911

Số chứng thực:.....Quyển số:.....SCT/BS



A handwritten signature in black ink, appearing to read "Chu Mạnh Cường".

CHỦ TỊCH

Chu Mạnh Cường



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8-26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên
Ông Vũ Bá Ôn	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên
Ông Đinh Thái Hương	Thành viên
Ông Đào Nam Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Danh Lương	Thành viên
Ông Trần Minh Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Anh Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Đào Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn An Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2013

Số: 543 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2013, từ trang 03 đến trang 26. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

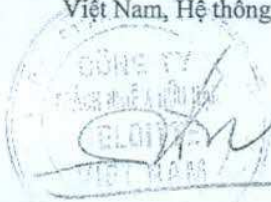

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 01, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 28 tháng 02 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DNBH/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.432.033.237.767	1.521.770.020.210
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		741.696.820.684	398.039.595.738
1. Tiền mặt tại quỹ	111		15.016.205.722	8.990.184.029
2. Tiền gửi ngân hàng	112		67.835.909.371	65.875.633.408
3. Tiền đang chuyển	113		44.705.591	823.778.301
4. Các khoản tương đương tiền	114		658.800.000.000	322.350.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	441.271.419.200	818.678.615.541
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		54.710.816.736	83.437.570.000
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		412.618.789.841	767.569.819.441
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(26.058.187.377)	(32.328.773.900)
III. Các khoản phải thu	130		186.891.578.882	242.967.812.775
1. Phải thu của khách hàng	131	6	160.649.961.845	223.122.788.238
2. Thuế GTGT được khấu trừ	133		-	3.655.007.517
3. Các khoản phải thu khác	138	7	42.952.535.992	45.881.932.033
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(16.710.918.955)	(29.691.915.013)
IV. Hàng tồn kho	140		18.348.370.216	20.362.012.712
1. Hàng tồn kho	141	9	18.348.370.216	20.362.012.712
V. Tài sản lưu động khác	150		43.825.048.785	41.721.983.444
1. Tạm ứng	151		31.114.830.846	32.968.533.856
2. Chi phí trả trước	152		10.743.095.039	7.612.759.579
3. Tài sản thiếu chờ xử lý	153		124.043.100	131.491.975
4. Các khoản thế chấp, ký quỹ	154		1.843.079.800	1.009.198.034
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN (200=210+220+230+240+242)	200		642.510.327.426	471.377.589.564
I. Tài sản cố định	210		318.757.286.559	276.441.124.782
1. Tài sản cố định hữu hình	211	10	199.780.881.258	179.005.137.294
- Nguyên giá	212		279.817.012.098	242.005.714.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(80.036.130.840)	(63.000.576.806)
2. Tài sản cố định vô hình	217	11	118.976.405.301	97.435.987.488
- Nguyên giá	218		120.229.426.959	98.525.234.574
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(1.253.021.658)	(1.089.247.086)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	220		261.515.578.800	144.623.730.381
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	221	13	158.578.337.600	123.569.062.181
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	222	14	33.054.525.000	27.294.650.000
3. Các khoản đầu tư dài hạn khác	228	15	83.843.690.000	14.643.690.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	229	13	(13.960.973.800)	(20.883.671.800)
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	16	53.857.005.579	42.810.738.351
IV. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	240		7.600.931.815	6.742.971.013
1. Ký quỹ bảo hiểm	241		7.600.931.815	6.742.971.013
V. Chi phí trả trước dài hạn	242		779.524.673	759.025.037
1. Chi phí trả trước dài hạn	242		779.524.673	759.025.037
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250=100+200)	250		2.074.543.565.193	1.993.147.609.774

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DNBH/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330+340)	300		1.225.625.423.807	1.149.067.091.295
I. Nợ ngắn hạn	310		158.959.965.159	173.107.087.050
1. Phải trả người bán	313	17	34.114.352.716	56.609.464.541
2. Người mua trả tiền trước	314		2.764.914.539	2.147.682.003
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	18	32.340.284.692	33.514.786.847
4. Phải trả công nhân viên	316		44.146.845.961	44.901.582.710
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	318		34.020.287.069	26.368.465.042
6. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		11.573.280.182	9.565.105.907
II. Dự phòng nghiệp vụ	330	20	1.064.915.637.348	973.276.858.222
1. Dự phòng phí	331		764.803.824.907	706.156.953.540
2. Dự phòng bồi thường	333		199.935.336.484	149.518.810.126
3. Dự phòng dao động lớn	334		100.176.475.957	117.601.094.556
III. Nợ khác	340		1.749.821.300	2.683.146.023
1. Chi phí phải trả	341		-	1.877.867.223
2. Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	342		1.749.821.300	805.278.800
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	19	848.918.141.386	844.080.518.479
I. Nguồn vốn, quỹ	410		848.918.141.386	844.080.518.479
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		699.543.825.000	699.543.825.000
2. Chênh lệch tỷ giá	413		-	1.032.349.400
3. Quỹ đầu tư phát triển	414		29.482.360.082	24.305.296.252
4. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		25.717.966.557	20.832.607.560
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	418		94.173.989.747	98.366.440.267
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	430		2.074.543.565.193	1.993.147.609.774

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DNBH/HN
Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2011
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	361.617.408.664	369.706.147.976
2. Hợp đồng nhận tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm		
Phí nhận tái bảo hiểm (*)	76.412.345.360	89.888.526.837
Thu hoàn hoa hồng nhận tái	241.954.199	224.680.463
Thu phí đặt cọc	-	4.273.211.350
Chi bồi thường nhận tái (*)	13.181.084.546	37.981.781.334
Chi hoa hồng nhận tái (*)	19.248.059.374	22.523.386.481
Chi hoàn phí nhận tái (*)	1.021.011.584	1.042.225.515
Phí nhận tái bị giữ lại (đặt cọc)	-	3.835.521.515
3. Hợp đồng nhượng tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm		
Chi phí nhượng tái	16.758.122.681	65.879.007.011
Chi hoàn hoa hồng nhượng tái	1.928.718.344	211.714.656
Chi hoàn thu bồi thường nhượng tái	283.897.104	173.032.836
Thu hoa hồng nhượng tái	5.061.462.238	18.533.050.677
Thu bồi thường nhượng tái	5.469.739.463	19.664.328.682
Thu hoàn phí nhượng tái	2.206.284.692	925.837.208
Thuế nhà thầu hoạt động nhượng tái	30.833.046	30.417.341
004 Nợ khó đòi đã xử lý	4.664.819.466	4.204.567.756

(*) *Thể hiện tổng giá trị các bản Statement of account (xác nhận dịch vụ) đã ký bởi bên nhượng tái và Công ty, tuy nhiên do chưa có xác nhận thanh toán nên Công ty chưa ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất để đảm bảo nguyên tắc thận trọng.*


Phạm Thị Nương
Người lập biểu


Đinh Kiều Trang
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Nguyễn Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02A-DNBH/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Thu phí bảo hiểm gốc	01		1.971.466.692.333	1.887.780.848.780
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		111.178.510.134	95.005.039.440
3. Các khoản giảm trừ	03		492.777.947.947	518.451.666.081
- Phí nhượng tái bảo hiểm	04		483.238.974.901	504.009.424.795
- Hoàn phí nhận tái	05		774.706.540	1.092.882.144
- Hoàn hoa hồng nhượng tái	06		3.607.367.794	3.690.723.499
- Hoàn phí bảo hiểm gốc	07		5.156.898.712	9.658.635.643
4. Tăng dự phòng phí	08	20	58.646.871.367	128.184.068.661
5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		121.788.072.525	141.379.712.686
6. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		12.399.635.466	11.736.269.947
- Thu khác nhận tái bảo hiểm	11		1.218.673.181	33.697.420
- Thu nhượng tái bảo hiểm	12		8.751.463.919	9.677.172.363
- Thu khác (đại lý, giám định...)	13		2.429.498.366	2.025.400.164
7. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14 = 01 + 02 - 03 - 08 + 09 + 10)	14		1.665.408.091.144	1.489.266.136.111
8. Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		928.935.776.044	805.513.721.058
9. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		61.281.600.306	35.923.729.072
10. Các khoản giảm trừ	17		222.315.789.349	214.977.879.998
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18		215.818.971.633	208.072.940.347
- Thu đòi người thứ ba	19		2.631.060.248	1.806.164.658
- Thu hàng xử lý bồi thường 100%	20		3.865.757.468	5.098.774.993
11. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại (21 = 15 + 16 - 17)	21		767.901.587.001	626.459.570.132
12. Chi bồi thường từ dự phòng dao động lớn	22		65.491.401.186	-
13. Tăng dự phòng bồi thường	23	20	50.416.526.358	16.014.496.250
14. Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	24	20	48.066.782.587	44.331.063.540
15. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	25		241.154.473.047	212.978.044.759
15.1 Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	26		215.279.121.757	191.993.295.744
- Chi hoa hồng bảo hiểm gốc	27		179.503.684.424	160.083.808.296
- Chi giám định tổn thất	28		20.687.898.792	21.100.384.135
- Chi đòi người thứ ba	29		3.803.366.698	1.196.860.001
- Chi xử lý hàng bồi thường 100%	30		13.600.000	-
- Chi đánh giá rủi ro đối tượng bảo hiểm	31		84.760.728	-
- Chi để phòng hạn chế tổn thất	32		10.005.491.558	8.844.519.794
- Chi khác	33		1.180.319.557	767.723.518
15.2 Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	34		25.875.351.290	20.984.749.015
- Chi hoa hồng	35		25.875.351.290	20.984.749.015
- Chi khác	38		-	-
16. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	41		1.042.047.967.807	899.783.174.681
17. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42		623.360.123.337	589.482.961.430
18. Chi phí bán hàng	43		287.996.493.527	268.460.326.008
19. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44		329.896.168.137	308.128.388.191
20. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45		5.467.461.673	12.894.247.231
21. Doanh thu hoạt động tài chính	46	21	154.706.960.243	176.625.027.665
22. Chi phí hoạt động tài chính	47	22	30.687.281.953	55.187.516.732
23. Lợi nhuận hoạt động tài chính	51		124.019.678.290	121.437.510.933
24. Thu nhập hoạt động khác	52		27.993.417.996	66.716.392.470
25. Chi phí hoạt động khác	53		27.302.305.660	66.023.128.635
26. Lợi nhuận hoạt động khác	54	24	691.112.336	693.263.835
27. Tổng lợi nhuận kế toán	55		130.178.252.299	135.025.021.999
28. Điều chỉnh (giảm) lợi nhuận chịu thuế	56		(6.301.511.520)	(9.090.040.391)
29. Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	59		123.876.740.779	125.934.981.608
30. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	60	25	30.969.185.195	31.483.745.402
31. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61		99.209.067.104	103.541.276.597
32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.428	1.491

Phạm Thị Nương
Người lập biểu

Đình Kiều Trang
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Nguyễn Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 26 là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)

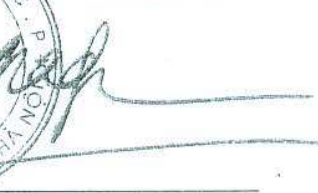
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DNBH/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu phí và hoa hồng	01	1.559.838.713.120	1.580.905.239.253
2. Tiền thu từ các khoản nợ phí và hoa hồng	02	370.038.298.148	286.913.793.281
3. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	1.684.939.096	1.919.547.724
4. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	04	932.745.901.677	884.006.363.106
5. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(820.461.573.713)	(675.257.300.029)
6. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06	(173.000.302.563)	(156.614.235.377)
7. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(46.612.665.011)	(91.917.446.884)
8. Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	08	(154.806.264.569)	(136.698.154.430)
9. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09	(139.460.189.997)	(139.056.584.706)
10. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(1.283.200.663.931)	(1.292.886.465.364)
11. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	(155.891.780.127)	(133.474.362.958)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	90.874.412.130	127.840.393.616
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	1.490.523.675.345	706.851.854.215
2. Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư khác	22	160.654.782.737	135.418.729.126
3. Tiền thu do bán tài sản cố định	23	25.463.635	198.683.311
4. Tiền gửi và đầu tư góp vốn trong năm	24	(1.293.750.611.783)	(805.307.708.871)
5. Tiền mua tài sản cố định	25	(17.609.718.693)	(20.051.195.138)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	339.843.591.241	17.110.362.643
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ lãi tiền gửi	33	156.078.575	1.252.117.645
2. Tiền đã hoàn vốn cho các chủ sở hữu	35	-	(13.695.305.000)
3. Tiền lãi đã trả cho các nhà đầu tư vào doanh nghiệp	36	(87.216.857.000)	(31.047.666.227)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(87.060.778.425)	(43.490.853.582)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	343.657.224.946	101.459.902.677
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	398.039.595.738	296.579.693.061
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	741.696.820.684	398.039.595.738


Phạm Thị Nường
Người lập biểu


Đinh Kiều Trang
Trưởng phòng Tài chính Kế toán


Nguyễn Anh Dũng
Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 02 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex là doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép số 1873/GP-UB ngày 08 tháng 6 năm 1995 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp với thời gian hoạt động là 25 năm bắt đầu từ năm 1995. Vốn điều lệ của Công ty là 53 tỷ đồng. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm số 06/TC/GCN ngày 27 tháng 5 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Ngày 15 tháng 4 năm 2004, Công ty đã được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC12/KDBH cho phép Công ty bổ sung vốn điều lệ là 70 tỷ đồng.

Ngày 21 tháng 12 năm 2006, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy phép sửa đổi Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh công ty cổ phần số 060256 cho phép Công ty bổ sung vốn điều lệ là 140 tỷ đồng.

Ngày 07 tháng 4 năm 2008, Công ty được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC22/KDBH chấp thuận vốn điều lệ của Công ty là 335.099.010.000 đồng.

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Công ty được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC23/KDBH chấp thuận vốn điều lệ của Công ty là 709.742.180.000 đồng.

Ngày 26 tháng 10 năm 2011, Công ty được Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/GP/KDBH đổi tên Công ty là Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO.

Số vốn thực góp của cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Theo Giấy phép hoạt động		Số vốn thực góp đến ngày 31/12/2012 (VND)
	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)	
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	363.283.200.000	51,2%	363.283.200.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	71.232.000.000	10,0%	71.232.000.000
Tổng Công ty Thép Việt Nam	42.739.200.000	6,0%	42.739.200.000
Tổng Công ty CP Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	62.373.280.000	8,8%	62.373.280.000
Công ty Vật tư và Thiết bị toàn bộ	21.369.600.000	3,0%	21.369.600.000
Công ty Điện tử Hà Nội	7.089.240.000	1,0%	7.089.240.000
Cổ đông khác	141.655.660.000	20,0%	141.655.660.000
Cộng	709.742.180.000	100%	709.742.180.000
Cổ phiếu quỹ	(13.695.305.000)		(13.695.305.000)
Thặng dư vốn cổ phần	3.496.950.000		3.496.950.000
Tổng cộng	699.543.825.000		699.543.825.000

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.626 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.480).

Công ty có Văn phòng chính tại tầng 21, tòa nhà Mípec, số 229 Tây Sơn (Hà Nội), Hội sở giao dịch tại Hà Nội, 50 chi nhánh và 1 công ty con.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 30 tháng 7 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 125/2012/TT-BTC (“Thông tư 125”) về hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài thay thế cho Thông tư số 156/2007/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 12 năm 2007 (“Thông tư 156”). Thông tư 125 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2012. Thông tư 125 quy định về chế độ tài chính, bao gồm các quy định về vốn, dự phòng nghiệp vụ, đầu tư tài chính, doanh thu - chi phí, chế độ báo cáo và thông tin quản trị về cơ bản là giống như Thông tư 156.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 125 và Thông tư 179 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là không trọng yếu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty con với Công ty mẹ được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, dự phòng bồi thường và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn trong tự. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng các khoản phải thu đã được xem xét trích lập dự phòng đầy đủ và phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2012
	(Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Phương tiện vận tải	6 - 7
Thiết bị văn phòng và TSCĐ hữu hình khác	3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Trong đó, quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất vô thời hạn được trình bày theo nguyên giá, không trích khấu hao hàng năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm tiền gửi ngân hàng (ngắn hạn và dài hạn), các khoản góp vốn cổ phần, cho vay được ghi nhận theo phương pháp giá gốc gồm giá mua cộng chi phí liên quan như: phí mua bán, phí liên lạc, thuế và phí ngân hàng.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư có tổn thất tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê nhà tại Văn phòng Công ty, thuê nhà tại các chi nhánh và các chi phí trả trước dài hạn khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ngoại tệ

Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua trung bình của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát hành hoá đơn giá trị gia tăng. Hoá đơn giá trị gia tăng được phát hành khi đơn bảo hiểm có hiệu lực và đã thu được tiền, hoặc đã đến hạn thanh toán mà Công ty chưa thu được tiền nhưng đánh giá rằng có thể thu được phí bảo hiểm. Các đơn bảo hiểm Công ty cho khách hàng nợ phí nhưng sau đó khách hàng không nộp phí theo đúng thoả thuận được xem là chưa phát sinh trách nhiệm bảo hiểm và Công ty chưa ghi nhận doanh thu đối với các đơn bảo hiểm này.

Doanh thu nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm được ghi nhận theo số phát sinh dựa trên bảng thanh toán tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm xác nhận và gửi cho Công ty.

Công ty ghi nhận hoa hồng nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở bản xác nhận thanh toán giữa Công ty với các nhà nhận tái bảo hiểm. Đối với những phần chưa có đối chiếu xác nhận với nhà nhận tái bảo hiểm, Công ty thực hiện ước tính hoa hồng nhượng tái trên cơ sở hợp đồng, tỷ lệ hoa hồng nhượng tái và ghi nhận trong năm 2012. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng việc thực hiện ghi nhận hoa hồng nhượng tái này là phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Doanh thu từ các hoạt động khác của Công ty như bán và sửa chữa ô tô, cho thuê nhà, lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, cho vay được ghi nhận khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường. Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường. Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở thực thu được của doanh thu theo quy định của Bộ Tài chính với các khoản doanh thu phát sinh được khai thác qua đại lý bảo hiểm. Các chi phí khác được ghi nhận khi phát sinh.

Dựa trên Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chế độ tài chính doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm” và từ ngày 01 thngs 10 năm 2012 được thay thế bằng Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012, Công ty ghi nhận chi phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở bản xác nhận thanh toán giữa Công ty với các nhà nhận tái bảo hiểm. Đối với những phần chưa có đối chiếu xác nhận với nhà nhận tái bảo hiểm, Công ty thực hiện ước tính phí nhượng tái trên cơ sở hợp đồng, tỷ lệ nhượng tái và ghi nhận trong năm 2012. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng việc thực hiện ghi nhận chi phí nhượng tái này là phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh bảo hiểm hiện nay và không ảnh hưởng trọng yếu đối với kết quả kinh doanh năm 2012 của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế hoãn lại nào trên báo cáo tài chính được kiểm toán này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng nghiệp vụ

Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ, Thông tư số 124/2012/TT-BTC và Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành cùng ngày 30 tháng 7 năm 2012, theo đó:

Dự phòng phí chưa được hưởng: Được tính bằng 25% phí giữ lại trong năm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hoá và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường: Được Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh và phân trách nhiệm giữ lại của Công ty.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), công ty trích lập dự phòng theo công thức đã được Bộ Tài Chính chấp thuận tại Công văn số 1394/BTC-QLBH ngày 06 tháng 02 năm 2009 như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Dự phòng bồi thường} \\ \text{cho tổn thất đã phát} \\ \text{sinh nhưng chưa} \\ \text{thông báo hoặc chưa} \\ \text{yêu cầu bồi thường} \\ \text{cho năm tài chính} \\ \text{hiện tại (IBNR năm} \\ \text{hiện tại)} \end{array} = \frac{\text{Số tiền bồi thường cho tổn thất} \\ \text{đã phát sinh nhưng chưa thông} \\ \text{báo hoặc chưa yêu cầu bồi} \\ \text{thường cho năm tài chính trước}}{\text{Số tiền bồi thường phát sinh của} \\ \text{năm tài chính trước}} \times \begin{array}{l} \text{Số tiền} \\ \text{bồi} \\ \text{thường} \\ \text{phát sinh} \\ \text{của năm} \\ \text{tài chính} \\ \text{hiện tại} \end{array} \times \frac{\text{Doanh thu thuần hoạt} \\ \text{động kinh doanh bảo} \\ \text{hiểm của năm tài} \\ \text{chính hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt} \\ \text{động kinh doanh bảo} \\ \text{hiểm của năm tài} \\ \text{chính trước}}$$

Dự phòng dao động lớn: Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 và Thông tư số 156/2007/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 12 năm 2007, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất, được sử dụng để bồi thường khi có dao động lớn về tổn thất hoặc tổn thất lớn xảy ra mà tổng phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính sau khi đã trích lập dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết không đủ để chi trả tiền bồi thường đối với phân trách nhiệm giữ lại của doanh nghiệp bảo hiểm. Theo đó, Công ty thực hiện tính số chỉ từ dự phòng dao động lớn theo từng loại nghiệp vụ. Tổng số dự phòng dao động lớn được Công ty sử dụng trong năm 2012 là 65.491.401.186 đồng.

Ký quỹ bảo hiểm

Công ty đã ký quỹ 2% trên-vốn kinh doanh hoặc tối thiểu là 06 tỷ đồng theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền gửi ngắn hạn tại các tổ chức tín dụng (i)	360.878.564.444	709.829.594.044
Cho vay ngắn hạn (ii)	51.740.225.397	57.740.225.397
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	54.710.816.736	83.437.570.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(26.058.187.377)	(32.328.773.900)
	441.271.419.200	818.678.615.541

(i) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng đáo hạn trong vòng 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và hưởng lãi suất tiền gửi từ 10,5%/năm đến 19%/năm.

(ii) Là các khoản tiền cho vay ngắn hạn với lãi suất trung bình 1%/tháng.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	100.840.978.969	89.175.192.857
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	4.902.762.567	4.490.932.045
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	2.038.969.319	65.625.725.373
Phải thu hoạt động tài chính	52.331.704.724	63.830.937.963
Phải thu hoạt động khác	535.546.266	-
	160.649.961.845	223.122.788.238

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu về tạm ứng bồi thường	31.637.529.920	34.104.126.929
Phải thu khác	11.315.006.072	11.777.805.104
	42.952.535.992	45.881.932.033

8. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Dự phòng phải thu phí bảo hiểm gốc	15.133.691.449	11.865.142.666
Dự phòng phải thu cho vay quá hạn (i)	1.577.227.506	17.826.772.347
	16.710.918.955	29.691.915.013

(i) Đối với các khoản đầu tư cho vay quá hạn: Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo hướng dẫn tại Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 của Ngân hàng Nhà nước.

9. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm chủ yếu là giá trị của vật phẩm khuyến mại phát sinh trong năm chưa được sử dụng tồn trong kho và tồn tại các đại lý chưa được sử dụng để khuyến mại cho khách hàng, các chi phí sản phẩm dở dang, hàng hóa liên quan đến việc sửa chữa xe ô tô của Công ty TNHH Một thành viên Cứu hộ PJICO Hải Phòng - công ty con của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	141.138.524.747	66.639.797.277	33.751.517.876	475.874.200	242.005.714.100
Tăng trong năm	37.015.204.533	5.950.825.152	5.587.356.276	193.000.000	48.746.385.961
Giảm trong năm	(4.423.919.194)	(4.275.453.010)	(2.129.815.759)	(105.900.000)	(10.935.087.963)
Tại ngày 31/12/2012	173.729.810.086	68.315.169.419	37.209.058.393	562.974.200	279.817.012.098
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	15.022.477.786	30.214.754.309	17.413.357.754	349.986.957	63.000.576.806
Khấu hao trong năm	8.555.530.731	8.120.398.417	6.334.754.924	215.518.649	23.226.202.721
Giảm trong năm	(2.167.036.515)	(2.179.757.765)	(1.737.954.407)	(105.900.000)	(6.190.648.687)
Tại ngày 31/12/2012	21.410.972.002	36.155.394.961	22.010.158.271	459.605.606	80.036.130.840
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	152.318.838.084	32.159.774.458	15.198.900.122	103.368.594	199.780.881.258
Tại ngày 31/12/2011	126.116.046.961	36.425.042.968	16.338.160.122	125.887.243	179.005.137.294

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất có kỳ hạn VND	Quyền sử dụng đất không kỳ hạn VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2012	15.182.298.535	83.230.656.039	112.280.000	98.525.234.574
Tăng trong năm	3.402.000.000	18.302.192.385	-	21.704.192.385
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	18.584.298.535	101.532.848.424	112.280.000	120.229.426.959
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2012	976.967.086	-	112.280.000	1.089.247.086
Trích khấu hao trong năm	163.774.572	-	-	163.774.572
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	1.140.741.658	-	112.280.000	1.253.021.658
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2012	17.443.556.877	101.532.848.424	-	118.976.405.301
Tại ngày 31/12/2011	14.205.331.449	83.230.656.039	-	97.435.987.488

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Cứu hộ PJICO Hải Phòng	Hải Phòng	100	100	Đại lý ô tô; bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN DÀI HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	63.578.337.600	63.578.337.600
Đầu tư trái phiếu	95.000.000.000	59.990.724.581
Cộng	158.578.337.600	123.569.062.181
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(13.960.973.800)	(20.883.671.800)
Giá trị thuần khoản đầu tư chứng khoán dài hạn	144.617.363.800	102.685.390.381

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Tỷ lệ	31/12/2012	31/12/2011
		VND	VND
Công ty Liên doanh TNHH Kho xăng dầu Ngoại quan Vân Phong	5%	33.054.525.000	27.294.650.000
		33.054.525.000	27.294.650.000

Căn cứ theo Hợp đồng liên doanh ngày 25 tháng 02 năm 2005 giữa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam), Công ty TNHH PB Tankers và Công ty về việc hợp tác liên doanh góp vốn vào Công ty Liên doanh TNHH Kho xăng dầu Ngoại quan Vân Phong, tỷ lệ góp vốn của Công ty trong vốn điều lệ của Công ty Liên doanh TNHH Kho xăng dầu Ngoại quan Vân Phong là 4.500.000 USD tương đương với 15%. Số vốn thực góp của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 78.820.650.000 đồng (tương đương 4.500.000 USD) chiếm 15% vốn điều lệ. Trong năm 2010, Công ty đã chuyển nhượng 10% vốn điều lệ của mình tại Công ty Liên doanh TNHH Kho xăng dầu Ngoại quan Vân Phong cho Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội tương ứng với số tiền 3.000.000 USD (tương đương 53.589.000.000 đồng) theo giá gốc và không phát sinh lãi/lỗ từ việc chuyển nhượng vốn. Trong năm 2011 và 2012, Công ty góp vốn bổ sung vào Công ty Liên doanh TNHH Kho xăng dầu Ngoại quan Vân Phong với số tiền tương ứng là 2.063.000.000 đồng và 5.759.875.000. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng, do Công ty là cổ đông sáng lập và có thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty Liên doanh TNHH Kho xăng dầu Ngoại quan Vân Phong, theo đó khoản đầu tư nêu trên được phản ánh tại khoản mục "Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết" là phù hợp.

Kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong đang trong quá trình đầu tư và Công ty chưa được cung cấp số liệu Báo cáo tài chính năm 2012 của đơn vị này. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng phần lỗ (nếu có) Công ty phải gánh chịu theo tỷ lệ vốn góp là không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm giá trị và theo đó không phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư.

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trên 12 tháng	80.000.000.000	10.800.000.000
Bất động sản đầu tư (i)	3.843.690.000	3.843.690.000
	83.843.690.000	14.643.690.000

(i) Đây là giá trị quyền sử dụng đất được đầu tư tại Chi nhánh Quảng Bình với mục đích để bán trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Văn phòng Công ty	41.630.012.145	23.617.555.705
Chi nhánh Lạng Sơn	-	7.160.963.942
Chi nhánh Vũng Tàu	20.000.000	4.371.797.164
Chi nhánh Vĩnh Phúc	326.367.273	4.111.120.849
Chi nhánh Hà Nam	-	1.500.000.000
Chi nhánh Kiên Giang	2.624.500.156	875.131.455
Chi nhánh Sóc Trăng	355.189.088	746.369.700
Chi nhánh Bình Dương	120.833.773	120.833.810
Chi nhánh Thanh Hóa	-	63.766.635
Chi nhánh Quảng Ninh	3.062.153.600	-
Chi nhánh Yên Bái	1.644.932.728	-
Chi nhánh Lâm Đồng	1.500.000.000	-
Chi nhánh Quảng Nam	1.309.684.643	-
Chi nhánh Đồng Nai	651.052.201	-
Chi nhánh khác	612.279.972	243.199.091
	53.857.005.579	42.810.738.351

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	4.117.152.036	3.508.972.571
Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	29.677.145.679	53.100.491.970
Phải trả khác	320.055.001	-
	34.114.352.716	56.609.464.541

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.505.849.683	7.552.816.196
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.969.185.195	22.733.745.402
Thuế nhà đất	-	6.416.460
Thuế thu nhập đại lý	2.219.330.762	1.934.668.785
Thuế thu nhập cá nhân	1.448.763.274	1.229.093.481
Thuế nhà thầu	122.339.795	-
Thuế môn bài	-	2.000.000
Thuế khác	74.815.983	56.046.523
	32.340.284.692	33.514.786.847

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Nguồn vốn kinh doanh	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bất buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2011	713.239.130.000	1.006.612.990	21.146.406.789	15.655.543.730	60.018.899.794	811.066.593.303
Vốn góp	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	103.541.276.597	103.541.276.597
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ	-	-	3.158.889.463	5.177.063.830	(13.843.671.124)	(5.507.717.831)
Cổ phiếu quỹ	(13.695.305.000)	-	-	-	-	(13.695.305.000)
Chi cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	(51.350.065.000)	(51.350.065.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá 2010	-	(1.006.612.990)	-	-	-	(1.006.612.990)
Chênh lệch tỷ giá 2011	-	1.032.349.400	-	-	-	1.032.349.400
Tại ngày 01/01/2012	699.543.825.000	1.032.349.400	24.305.296.252	20.832.607.560	98.366.440.267	844.080.518.479
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	99.209.067.104	99.209.067.104
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ (i)	-	-	5.177.063.830	4.885.358.997	(12.945.776.364)	(2.883.353.537)
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Chi cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	(90.303.795.400)	(90.303.795.400)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá 2011	-	(1.032.349.400)	-	-	-	(1.032.349.400)
Thuế nộp bổ sung theo quyết toán với cơ quan thuế	-	-	-	-	(151.945.860)	(151.945.860)
Tại ngày 31/12/2012	699.543.825.000	-	29.482.360.082	25.717.966.557	94.173.989.747	848.918.141.386

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2012, Công ty thực hiện phân chia các quỹ Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự trữ bất buộc (đã được phân chia khi lập báo cáo tài chính năm 2011), Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền tương ứng là 5.177.063.830 đồng, 4.885.358.997 đồng, 2.883.353.537 đồng và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2011 với số tiền là 90.303.795.400 đồng. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, số cổ tức đã chi trả bằng tiền mặt là 87.623.746.600 đồng, số cổ tức chưa thanh toán với số tiền là 2.680.048.800 đồng được theo dõi trên Tài khoản 338 - "Phải trả, phải nộp khác".

Công ty thực hiện tạm trích Quỹ dự phòng bất buộc với số tiền 4.885.358.997 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2012. Việc phân phối trong năm 2012 sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông 2013 thông qua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	31/12/2012	31/12/2011
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.974.218 70.974.218	70.974.218 70.974.218
- Số lượng cổ phiếu quỹ + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.509.760 1.509.760	1.509.760 1.509.760
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	69.464.458 69.464.458	69.464.458 69.464.458

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Chi tiết Nguồn vốn kinh doanh như sau:	Số tiền thực góp tại ngày 31/12/2012	Số tiền thực góp tại ngày 31/12/2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	709.742.180.000	709.742.180.000
Thặng dư vốn cổ phần	3.496.950.000	3.496.950.000
Cổ phiếu quỹ	(13.695.305.000)	(13.695.305.000)
	699.543.825.000	699.543.825.000

20. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	31/12/2011 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm (i) VND	31/12/2012 VND
Dự phòng phí	706.156.953.540	58.646.871.367	-	764.803.824.907
Dự phòng bồi thường	149.518.810.126	50.416.526.358	-	199.935.336.484
Dự phòng dao động lớn (ii)	117.601.094.556	48.066.782.587	65.491.401.186	100.176.475.957
	973.276.858.222	157.130.180.312	65.491.401.186	1.064.915.637.348

- (i) Thể hiện số tiền chi từ quỹ dự phòng dao động lớn Công ty đã sử dụng theo hướng dẫn tại Khoản c Điều 8 Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về "Quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm". Theo đó, Công ty thực hiện tính số chi từ dự phòng dao động lớn theo từng loại hình nghiệp vụ bảo hiểm.
- (ii) Dự phòng dao động lớn tăng trong năm là phần được trích lập bằng 3% phí giữ lại trong năm 2012 (năm 2011 trích 3% phí giữ lại trong năm 2011 với số tiền 44.331.063.540 đồng). Tỷ lệ trích lập dự phòng dao động lớn của năm 2012 là phù hợp so với quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính.

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu hoạt động tài chính ngắn hạn	131.766.698.901	161.995.776.514
Doanh thu đầu tư ngắn hạn cổ phiếu, trái phiếu	2.539.002.291	7.004.804.452
Doanh thu cho vay ngắn hạn	8.776.422.225	13.621.763.893
Doanh thu tiền gửi ngắn hạn	116.746.117.804	102.748.475.308
Doanh thu hoạt động tài chính ngắn hạn khác	3.705.156.581	38.620.732.861
Doanh thu hoạt động tài chính dài hạn	22.940.261.342	14.629.251.151
Doanh thu đầu tư dài hạn cổ phiếu, trái phiếu	16.710.872.142	10.632.780.383
Doanh thu tiền gửi dài hạn	5.319.328.671	1.490.168.127
Doanh thu hoạt động tài chính dài hạn khác	910.060.529	2.506.302.641
	154.706.960.243	176.625.027.665

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012	2011
	VND	VND
Chi phí hoạt động tài chính ngắn hạn	36.809.048.326	30.431.032.385
Chi phí đầu tư ngắn hạn cổ phiếu	(4.796.908.783)	2.986.005.900
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	(2.732.547.097)	14.509.319.444
Chi phí khác	44.338.504.206	12.935.707.041
Chi phí hoạt động tài chính dài hạn	(6.121.766.373)	24.756.484.347
Dự phòng đầu tư cổ phiếu	(7.610.797.552)	23.852.232.300
Chi phí khác	1.489.031.179	904.252.047
	30.687.281.953	55.187.516.732

23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012	2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.649.853.474	9.192.498.481
Chi phí nhân công	195.188.358.347	149.821.634.721
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.611.246.584	13.272.700.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.868.583.568	350.874.308.213
Chi phí khác	354.574.619.691	53.427.572.472
	617.892.661.664	576.588.714.199

24. LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG KHÁC

Lợi nhuận khác được xác định bằng thu nhập khác trừ (-) chi phí khác, chủ yếu phản ánh doanh thu và chi phí của Công ty TNHH Một thành viên Cứu hộ PJICO Hải Phòng - công ty con của Công ty kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2012. Trước đó, công ty con này là Trung tâm Cứu hộ Hải Phòng - đơn vị phụ thuộc của Công ty, được thành lập vào năm 2004, có chức năng cứu hộ, phục hồi, sửa chữa và thay thế thiết bị, phụ tùng xe cơ giới cho các khách hàng có xe bị tai nạn.

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2012	2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	130.178.252.299	135.025.021.999
Trừ: thu nhập không chịu thuế (i)	7.331.711.520	9.954.340.391
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ (ii)	1.030.200.000	864.300.000
Lợi nhuận tính thuế	123.876.740.779	125.934.981.608
Thuế suất thuế TNDN thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	30.969.185.195	31.483.745.402
Tổng thuế thu nhập phát sinh trong năm	30.969.185.195	31.483.745.402

(i) Thu nhập không chịu thuế được điều chỉnh cho các khoản thu nhập từ lãi cổ tức được chia và lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện khi đánh giá các khoản công nợ có gốc ngoại tệ (trừ khoản mục phải trả) tại thời điểm cuối năm.

(ii) Các khoản chi phí không được khấu trừ là khoản chi thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị không trực tiếp tham gia hoạt động điều hành kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	99.209.067.104	103.541.276.597
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu	99.209.067.104	103.541.276.597
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	69.464.458	69.464.458
Lãi trên cổ phiếu	1.428	1.491

27. BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

	2012 VND	2011 VND
I. Biên khả năng thanh toán (I=(1)-(2)-(3)-(4))	552.133.905.187	565.265.782.572
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	848.918.141.386	844.080.518.479
2. Trừ các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán	-	-
3. Trừ các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	178.530.075.275	155.793.815.332
4. Trừ các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	118.254.160.924	123.020.920.575
II. Biên khả năng thanh toán tối thiểu [Giá trị lớn hơn giữa (a) và (b)]	400.556.521.559	369.425.529.500
(a) 25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	400.556.521.559	369.425.529.500
(b) 12,5% Tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm	260.330.650.308	246.504.296.304
III. So sánh (I) và (II)		
Theo số tuyệt đối	151.577.383.628	195.840.253.071
Theo tỷ lệ phần trăm	137,84%	153,01%

28. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2012	2011
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn/Tổng tài sản	%	30,97	23,65
- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn/Tổng tài sản	%	69,03	76,35
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	59,08	57,65
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	40,92	42,35
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,69	1,73
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	9,01	8,79
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	7,44	7,03
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	7,04	7,79
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	5,37	5,98
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	6,28	6,77
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,78	5,19
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	11,69	12,27

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty là phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập, và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	741.696.820.684	398.039.595.738
Phải thu khách hàng và phải thu khác	186.891.578.882	239.312.805.258
Đầu tư ngắn hạn	441.271.419.200	818.678.615.541
Đầu tư dài hạn	261.515.578.800	144.623.730.381
Tài sản tài chính khác	9.444.011.615	7.752.169.047
Tổng cộng	1.640.819.409.181	1.608.406.915.965
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	64.662.311.442	80.867.420.025
Dự phòng bồi thường và chi phí phải trả	199.935.336.484	151.396.677.349
Công nợ tài chính khác	1.749.821.300	805.278.800
Tổng cộng	266.347.469.226	233.069.376.174

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm là không trọng yếu.

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Công ty nhận định sự thay đổi của tỷ giá của Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam không ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, ... Nếu giá cổ phiếu đầu tư giảm 10% trong khi tất cả các chỉ số khác không đổi thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 9,8 tỷ đồng.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 30.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán nợ đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính không bao gồm lãi từ các tài sản đó và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	741.696.820.684	-	741.696.820.684
Phải thu khách hàng và phải thu khác	186.891.578.882	-	186.891.578.882
Đầu tư ngắn hạn	441.271.419.200	-	441.271.419.200
Đầu tư dài hạn	-	261.515.578.800	261.515.578.800
Tài sản tài chính khác	1.843.079.800	7.600.931.815	9.444.011.615
Tổng cộng	1.371.702.898.566	269.116.510.615	1.640.819.409.181
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	64.662.311.442	-	64.662.311.442
Dự phòng bồi thường và chi phí phải trả	199.935.336.484	-	199.935.336.484
Công nợ tài chính khác	-	1.749.821.300	1.749.821.300
Tổng cộng	264.597.647.926	1.749.821.300	266.347.469.226
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.107.105.250.640	267.366.689.315	1.374.471.939.955
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	398.039.595.738	-	398.039.595.738
Phải thu khách hàng và phải thu khác	239.312.805.258	-	239.312.805.258
Đầu tư ngắn hạn	818.678.615.541	-	818.678.615.541
Đầu tư dài hạn	-	144.623.730.381	144.623.730.381
Tài sản tài chính khác	1.009.198.034	6.742.971.013	7.752.169.047
Tổng cộng	1.457.040.214.571	151.366.701.394	1.608.406.915.965
31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	80.867.420.025	-	80.867.420.025
Dự phòng bồi thường và chi phí phải trả	151.396.677.349	-	151.396.677.349
Công nợ khác	-	805.278.800	805.278.800
Tổng cộng	232.264.097.374	805.278.800	233.069.376.174
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.224.776.117.197	150.561.422.594	1.375.337.539.791

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ("Petrolimex") và các đơn vị thành viên Petrolimex:

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu phí bảo hiểm gốc <i>Petrolimex</i>	301.417.261.760 179.194.793.399	279.160.140.533 174.671.962.833
<i>Các đơn vị thành viên Petrolimex</i>	122.222.468.361	104.488.177.700
Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc <i>Petrolimex</i>	34.352.881.667 5.778.084.892	20.618.794.016 1.728.607.270
<i>Các đơn vị thành viên Petrolimex</i>	28.574.796.775	18.890.186.746
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng	2.537.439.000	2.415.084.000

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu Petrolimex	9.738.423.280	7.506.057.854
Phải thu các đơn vị thành viên Petrolimex	5.846.134.337	1.170.540.002

31. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Công văn số 15861/BTC-TCT ngày 26 tháng 12 năm 2008 của liên Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế về việc chính sách thuế đối với phí tái bảo hiểm ra nước ngoài, nếu các Công ty bảo hiểm tại Việt Nam thực hiện nghiệp vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài đối với các dịch vụ bảo hiểm cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam thì Công ty ở nước ngoài nhận tái bảo hiểm thuộc đối tượng nộp thuế nhà thầu (thuế thu nhập doanh nghiệp) với tỷ lệ là 2% tính trên phí tái bảo hiểm ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 05/2005/TT-BTC ngày 01 tháng 11 năm 2005. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, thuế nhà thầu được áp dụng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm ra nước ngoài được điều chỉnh tại Thông tư số 134/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng quy định tỷ lệ thuế nhà thầu vẫn là 2% tính trên phí tái bảo hiểm ra nước ngoài.

Tuy nhiên, theo Công văn số 8667/BTC-TCT ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, đối với các hợp đồng tái bảo hiểm ký với doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài là đối tượng cư trú của nước hoặc vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam được miễn thuế nhà thầu phát sinh trong các năm từ năm 2005 đến năm 2008 và trong thời hạn hiệu lực của Hiệp định.

Hiện tại, Công ty đã hoàn thiện bộ hồ sơ xin miễn thuế nhà thầu theo hướng dẫn tại Công văn số 8667/BTC-TCT nói trên. Việc xác định số thuế phải nộp từ năm 2008 trở về trước của Công ty (nếu có) sẽ căn cứ vào quyết định cuối cùng của Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế.

Đối với thuế nhà thầu phát sinh trên chi phí nhượng tái ra nước ngoài của năm 2009, 2010, 2011 và tháng 01 đến tháng 02 năm 2012, Công ty mới tạm ghi nhận là một khoản phải trả khác do trong số các nhà thầu nước ngoài, đại đa số đều có cơ sở thường trú phát sinh thu nhập tại nước có ký kết hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam. Các nhà thầu này đang làm thủ tục để được miễn thuế nhà thầu theo quy định tại Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế. Việc xác định số thuế phải nộp của năm 2009, 2010, 2011 và năm 2012 của Công ty (nếu có) sẽ căn cứ vào quyết định cuối cùng của Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế.

Công ty đã thực hiện kê khai và nộp thuế nhà thầu phát sinh từ ngày 01 tháng 3 năm 2012 theo quy định tại Thông tư số 60/2012/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNEH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. VỤ VIỆC PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN

Ngày 13 tháng 4 năm 2009, Công ty đã nhận được Thông báo số 256/TB-TLVA của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội về việc thụ lý vụ án Công ty Xăng dầu Hàng không Việt Nam yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại và chi phí khắc phục hậu quả vụ tòn thất Kho Xăng dầu Hàng không Liên Chiêu ngày 16 tháng 10 năm 2008 với tổng số tiền đòi bồi thường là 25,626 tỷ đồng. Ngày 13 tháng 12 năm 2010, Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO đã có đơn kháng cáo gửi Tòa phúc thẩm Tòa án Nhân dân tối cao thành phố Hà Nội. Theo Bản án số 151/2011/KDTM-PT ngày 19/8/2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án Nhân dân tối cao Thành phố Hà Nội, Tòa phúc thẩm quyết định hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 01/2013/QĐ-HĐQT ngày 19 tháng 2 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định ông Nguyễn Anh Dũng thôi giữ chức Tổng Giám đốc kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2013 để nhận nhiệm vụ mới theo sự phân công của Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam.

Theo Nghị quyết số 02/2013/QĐ-HĐQT ngày 19 tháng 2 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định bổ nhiệm ông Đào Nam Hải giữ chức Tổng Giám đốc với nhiệm kỳ 5 năm kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2013.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập lần đầu tiên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Số liệu trình bày trên cột so sánh là số liệu báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán cho mục đích tham khảo.



Phạm Thị Nương
Người lập biểu



Đinh Kiều Trang
Trưởng phòng Tài chính Kế toán


Nguyễn Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2013

